|  |  |
| --- | --- |
| HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  **KHOA THỦY SẢN**  *---------------------------* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *--------------------------------------------------------------*  *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA THỦY SẢN**

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2026**

(Kèm theo Tờ trình số 18/TTr-TS ngày 30 tháng 6 năm 2021 của

**Khoa thủy sản**)

*-------------------------------------*

**PHẦN 1**

**GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHOA THỦY SẢN**

**1. Chức năng, nhiệm vụ của Khoa Thủy sản**

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực thủy sản bao gồm trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và đào tạo ngắn hạn theo yêu cầu của xã hội;

- Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về nuôi trồng thủy sản, môi trường và bệnh thủy sản; dinh dưỡng và thức ăn thủy sản; di truyền và chọn giống thủy sản.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thủy sản theo nhu cầu xã hội.

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Khoa Thủy sản được thành lập ngày 05 tháng 3 năm 2015 trên cơ sở tách ra từ Khoa Chăn nuôi và Nuôi trồng Thủy sản, tiền thân từ 2 bộ môn Nuôi trồng Thủy sản (tái thiết ngày 23 tháng 10 năm 2004), bộ môn Môi trường và Bệnh Thủy sản (thành lập ngày 20 tháng 03 năm 2012) và thành lập thêm bộ môn Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản (tháng 3 năm 2015) cùng tổ văn phòng. Cho đến nay cơ cấu tổ chức Khoa Thủy sản vẫn giữ nguyên.

**3. Hiện trạng Khoa Thủy sản**

Khoa Thủy sản là một khoa mới thành lập với số lượng cán bộ khiêm tốn với tổng số cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và văn phòng là **24** nhân sự:

Cán bộ giảng dạy: 15 (2 PGS.TS-GVCC; 1 TS. – GVC; 5 TS. – GV; 2 NCS. ThS. GV.; 5 ThS. GV.)

Kỹ sư thực hành: 6 (1 NCS.; 2 ThS.; 3 KS.), trong đó có 2 hợp đồng BM

Các trợ lý: 3 (1 NCS; 1 ThS.; 1 KS.)

Cán bộ giảng dạy của Khoa đa phần được đào tạo bài bản từ các nước phát triển (Anh, Bỉ, Đức, Nhật, Đan Mạch, Pháp, Úc, Newzeland, Nga, Đài Loan, Thái Lan), cán bộ trẻ có nhiệt huyết phục vụ sự nghiệp phát triển Khoa. Đây là điểm mạnh nhất của Khoa.

Ngoài ra, trong Khoa còn tiếp nhận 4 PGS. TS. Thỉnh giảng đến từ Tổng cục Thủy sản, Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản 1 và Trường Cao Đẳng Kinh tế, Kỹ Thuật và Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT tham gia giảng dạy và cộng tác nghiên cứu.

- Chi bộ Khoa Thủy sản gồm 8 đảng viên chính thức có cơ cấu 1 bí thư và 1 phó bí thư, chi bộ chưa đủ quân số để thành lập 1 chi ủy.

- Cơ cấu tổ chức Khoa Thủy sản gồm Ban chủ nhiệm Khoa có 3 đồng chi 1 Trưởng Khoa phục trách chung và 2 Phó trưởng khoa phụ trách đào tạo; nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế. Trong Khoa có 3 bộ môn: Nuôi trồng Thủy sản, Môi trường và Bệnh Thủy sản; Dinh dưỡng và Thức ăn Thủy sản; một tổ văn phòng gồm 3 đồng chí (trợ lý tổ chức, trợ lý vật tư , trợ lý đào tạo đại học, SĐH kiêm KHCN và HTQT).

- Chương trình đào tạo: Đã hình thành được hệ thống các chương trình đào tạo 2 ngành ở bậc đại học gồm ngành Nuôi trồng Thủy sản và ngành Bệnh học Thủy sản; Thạc sỹ ngành Nuôi trồng thủy sản và đang hoàn thiện chương trình đào tạo Tiến sỹ NTTS, dự kiến bắt đầu tuyển sinh đợt 2 năm 2021; Đã triển khai các khóa tập huấn ngắn ngày về Kỹ thuật chẩn đoán và phòng trị bệnh, Kỹ thuật sản xuất thức ăn thủy sản, Kỹ thuật vận chuyển động vật thủy sản tươi sống, Bảo quản, sơ chế sản phẩm thủy sản, Vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản, Kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá nước ngọt, Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt, thủy đặc sản, Đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ thú y-thủy sản...; đã tham gia vào việc xây dựng và giảng dạy bậc đại học ngành Nuôi trồng thủy sản trong chương trình hợp tác quốc tế (International Master on Aquaculture, Hợp tác Việt-Bỉ- dự án VLIR). Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, trung tâm nghiên cứu trong nước để tạo điều kiện cho sinh viên tham quan học hỏi, thực hành, thực tập, rèn nghề, nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học. Tìm kiếm và gửi sinh viên đi thực tập ngắn hạn tại nước ngoài. Phối hợp với các chuyên gia nước ngoài trong việc đào tạo , tạo điều kiện cho sinh viên được tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp để nâng cao kiến thức chuyên môn và thực tế.

- Khoa Thủy sản đã triển khai 2 nhóm nghiên cứu mạnh về Dinh dưỡng, thức ăn và Nuôi trồng thủy sản; Bệnh Thủy sản đã thu được nhiều kết quả đáng khâm phục; đặc biệt là xuất bản Quốc tế, điển hình năm 2019 Nhóm Nghiên cứu mạnh về Bệnh Thủy sản đã đứng đầu 50 nhóm nghiên cứu mạnh trong Học viện. Các nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa thủy sản có đủ năng lực tìm kiếm nguồn kinh phí cho hoạt động, tổ chức thực hiện thành công các đề tài, công bố các kết quả nghiên cứu ở các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong nước và Quốc tế.

- Công tác Hợp tác Quốc tế: Khoa thủy sản đa phần cán bộ trẻ tốt nghiệp từ nước ngoài nên đều có thể giao tiếp trực tiếp bằng các ngôn ngữ thông dụng quốc tế: Anh, Pháp, Nga. Khoa thủy sản có thể tiếp đón, làm việc với các đoàn khách Quốc tế đến làm việc với Học viện về lĩnh vực Thủy sản, hoặc trực tiếp đến trao đổi học tập, nghiên cứu với các cán bộ trong Khoa.

- Về cơ sở vật chất: Khi thành lập Khoa Thủy sản được Bộ NN.PTNT đầu tư dự án 39 tỷ đồng xây dựng Khu thực hành Nuôi trồng thủy sản nay làm nhà Khoa, sau đó Khoa được cải tảo sửa chữa một phần bờ ao chưa hoàn chỉnh (Xây bờ nhưng không làm mương cấp), hiện trạng bờ ao lở, sụt, lún, tường nhà bở bục. Trong năm 2020 được sự hỗ trợ của các học viên cao học Khoa đã cải tạo được thêm 1 phòng họp. Trong thời gian tới sẽ có thêm nguồn kinh phí mua sắm thiết bị từ dự án WB.

- Nguồn tài chính cho hoạt động: Hàng năm Khoa thủy sản được Học viện cấp khoảng 200.000.000 đồng phục vụ cho đào tạo, cùng với kinh phí từ các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Nhìn chung nguồn kinh phí hạn hẹp trong đó khó có nguồn kinh phí cho duy tu, sửa chữa, đặc biệt là kinh phí về năng lượng (Tiền chi phí điện năng) cho hoạt động.

- Công tác sinh viên: Phụ trách công tác sinh viên do trực tiếp đồng chí Phó Trưởng Khoa phụ trách đào tạo, trực tiếp phụ trách công tác sinh viên cùng sự hỗ trợ của các trợ lý. Do số lượng sinh viên ít nên công tác sinh viên được quản lý chặt chẽ, sát sao nên các hoạt động sinh viên tình nguyện, lao động công ích, xét điểm rèn luyện, xét học bổng được công khai, minh bạch nên được sinh viên ủng hộ, hưởng ứng cao các phong trào phát động.

- Công tác công đoàn và đoàn thể: Công đoàn khoa hoạt động tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động của công đoàn ngành, công đoàn Học viện phát động, tham gia quyên góp, ủng hộ nhiệt tình, tích cực. Đặc biệt một tập thể công đoàn đoàn kết, luôn có ý thức và trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người lao động.

**PHẦN 2**

**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2021-2026**

**1. Mục tiêu chiến lược phát triển Khoa Thủy sản**

**1.1 Tầm nhìn**

Khoa Thủy sản phấn đấu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu ở khu vực phía Bắc về đào tạo bậc đại học, sau đại học trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và bệnh học thủy sản, đồng thời là đơn vị nghiên cứu mạnh về thủy sản, góp phần phát triển ngành thủy sản nói riêng và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung.

**1.2. Sứ mệnh**

Sứ mệnh của Khoa Thủy sản là thúc đẩy sự xuất sắc

trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo sản phẩm có giá trị cao **phục vụ đắc lực cho sự phát triển chung của ngành thủy sản trong nước và trong khu vực.**

**1.3. Mục tiêu chiến lược của Khoa Thủy sản**

**Mục tiêu của** Khoa Thủy sản là phát triển song hành đào tạo và nghiên cứu nhằm tạo ra những sinh viên và học viên tốt nghiệp có nền tảng kiến thức kỹ thuật vững chắc và các kỹ năng cần thiết để trở thành những người lao động chuyên nghiệp trong thế giới hiện đại; và tạo ra những sản phẩm có giá trị thực tiễn cho ngành thủy sản.

**1.4. Giá trị cốt lõi của Khoa**

Đoàn kết – Kỷ cương – Trách nhiệm - Sáng tạo – Hợp tác

**2. Bối cảnh trong nước, quốc tế và tại Học viện**

Nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa đòi hỏi các trường đại học phải thực hiện tốt 3 chức năng truyền thống là *đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội*. Quá trình toàn cầu hóa tạo điều kiện cho sự hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ xã hội. Việc thực hiện các chương trình đào tạo hay nghiên cứu khoa học liên kết càng trở nên dễ dàng hơn.

Nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa làm tăng nhu cầu học tập, do vậy, sự đa dạng của các loại hình đào tạo vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với các trường đại học (đào tạo bằng kép, ngành kép, khóa đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng chuyển giao chất xám...). Việc hội nhập để phát triển là một nhu cầu tất yếu của các trường đại học.

Ngành Thủy sản của Việt Nam là một trong số các ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh trên dưới 10% trong mười năm qua, ngành có đóng góp GDP cao cho đất nước. Nhưng đứng trước tình hình dịch bệnh COVID, hai năm qua sản xuất thủy sản trong toàn ngành có không ít khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển chung.

Sinh viên, học viên tốt nghiệp ngành thủy sản có cơ hội việc làm tốt, số lượng sinh viên tốt nghiệp chưa đáp ứng đủ nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Mặc dù thu nhập của sinh viên tốt nghiệp khá cao, nhưng đây là một ngành kỹ thuật có tính đặc thù, làm việc khá vất vả, đòi hỏi nguồn nhân lực có sự đam mê thực sự với nghề nên chưa thu hút được người học nên tuyển sinh vô cùng khó khăn và trở thành tình trạng chung ở các trường Đại học có đào tạo lĩnh vực thủy sản. Mặt khác chất lượng tuyển sinh đầu vào ngày một thấp nên rất khó có được chất lượng tốt sau đào tạo.

**3. Cơ sở pháp lý xây dựng chiến lược của Khoa Thủy sản**

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Nghị quyết số 836-NQ/BCSĐ ngày 17/7/2019 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và PTNT về tăng cường đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác hải sản và đẩy mạnh nuôi trồng trên biển góp phần thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứu Quyết định 79/QĐ-TTg ngày 18/1/2018 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-HVN trực thuộc của Học Viện Nông nghiệp Việt Nam ngày 05 tháng 03 năm 2015 về việc thành lập Khoa Thủy sản.

**4. Dự báo nhu cầu**

Việt Nam là một quốc gia có bờ biển dài, khí hậu thuận lợi cho phát triển thủy sản, nguồn lợi đánh bắt ngày một suy giảm, tập trung chủ yếu nhờ vào nuôi trồng thủy sản; nhu cầu trong nước và Quốc tế ngày một đòi hỏi sản phẩm thủy sản có chất lượng cao, xuất khẩu thủy sản mang lại giá trị kim ngạch cao. Ngành Thủy sản còn phát triển mạnh trong các năm tới, nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nước và Quốc tế ngày càng nhiều nhưng do nguồn tuyển sinh hiện tại trong các trường có đào tạo thủy sản trong nước và Quốc tế đều thiếu hụt, chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp nên khó có thể đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu xã hội trong thời gian tới.

**5. Những thuận lợi, khó khăn của Khoa Thủy sản**

**5.1 Thuận lợi**

Hiện tại Khoa Thủy sản đang quản lý nguồn nhân lực trong giai đoạn vàng son được thể hiện ở nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo bài bản từ các nước phát triển trên thế giới, đội ngũ ban chủ nhiệm Khoa công tâm, minh bạch, khuyến khích, khích lệ, động viên kịp thời;

Trong các năm qua nguồn nhân lực ổn định, ít sáo trộn, chưa có hiện tượng chán nản quản lý mà bỏ bê công việc.

Cơ hội tìm kiếm các đề tài nghiên cứu trong và ngoài nước, từ trung ương đến địa phương về lĩnh vực thủy sản tương đối thuận lợi.

**5.2 Một số khó khăn**

- Do số lượng gỉảng viên ít, đa phần giảng viên trẻ, số lớp sinh viên trong khoa ít, nguồn sinh viên nhập học ít, chất lượng đầu vào hạn chế; mỗi giảng viên phải đảm nhiệm nhiều môn học, các môn học còn thiếu giáo trình, bài giảng nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

- Cán bộ giảng dạy phải thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; trong đó nhiệm vụ giảng dạy có kế hoạch và tổ chức khá chặt chẽ trong khi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có tính linh hoạt, đòi hỏi mỗi cá nhân phải có tính chủ động, tự giác. Trong điều kiện đó có một số chưa thích ứng công việc nhất là về hoạt động nghiên cứu khoa học. Các thủ tục hành chính còn rườm rà, mất nhiều thời gian gây phiền toái nhiều cho người làm khoa học, gây ức chế và ảnh hướng đến tinh thần và chất lượng nghiên cứu khoa học.

- Các tiêu chí nghiên cứu khoa học được đánh giá quá thấp, không có cơ sở, các bài báo trong nước và quốc tế được đánh giá quá thấp, yêu cầu về nghiên cứu khoa học quá cao nên hầu hết giảng viên làm việc cật lực vẫn không đạt yêu cầu về nghiên cứu khoa học. Các quy định thưởng phạt không rõ ràng, văn bản hướng dẫn thực hiện các nhóm nghiên cứu mạnh không rõ ràng, không khoa học. Các góp ý về khoa học công nghệ không được học viện giải trình một cách thỏa đáng cho cán bộ, tạo sự bất bình và ức chế trong cán bộ viên chức.

- Có khó khăn chung về cơ sở vật chất cho giảng dạy và nghiên cứu, nhất là các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học còn hạn chế: Chất lượng công trình xuống cấp, kinh phí không có để tu sửa; Nguồn nước ngọt chất lượng kém, không có nguồn nước mặn, lợ nên phải đi mua từ xa đội kinh phí, chi phí điện năng quá nhiều không có sự hỗ trợ trong nghiên cứu.

- Công tác quảng bá tuyển sinh cho ngành Thủy sản còn chưa được quan tâm đúng mức. Mặc dù ngành đang thiếu nhân lực, thu nhập của sinh viên mới ra trường tốt nhưng số lượng học sinh đăng ký vào ngành còn ít.

- Hầu hết cán bộ trong khoa là cán bộ trẻ, có nhiệt huyết trong nghiên cứu khoa học, do cơ sở vật chất còn khiêm tốn và nhiều hạn chế, nhiều cán bộ trẻ sau khi được đào tạo ở nước ngoài đã mạnh dạn đầu tư để nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, Học Viện chưa có cơ chế tự chủ rõ ràng, chưa có sự đầu tư đúng mức để phát huy và phát triển tiềm năng và khả năng nghiên cứu của cán bộ trẻ; Cơ chế và chính sách khuyến khích đối với các thành tựu, kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các công bố quốc tế làm chiếu lệ, không đồng nhất, chưa đi vào thực chất, chưa có sự lắng nghe, thảo luận trực tiếp và tìm hướng giải quyết kịp thời nên gây mất lòng tin và ảnh hưởng đến tinh thần và sự tin tưởng của cán bộ trẻ.

- Chính phủ có cơ chế giảm giấy phép con, văn phòng 1 cửa nhưng cơ chế hành chính của Học Viện còn rườm rà, trì trệ chậm đổi mới, không dám làm, không dám chịu trách nhiệm nên công việc không thông thoát VD. Kinh phí phục vụ QBTS có 3 triệu chi cho các Khoa chuyên môn đi làm nhiệm vụ/Trường THPT đến 2 năm chưa thanh toán xong, các đề tài giải ngân chậm yêu cầu sản phẩm sớm... Khi các cán bộ góp ý không chịu tiếp thu, tìm hướng giải quyết còn gây khó dễ.

**6. Mục tiêu và các chỉ số cụ thể**

* 1. **Công tác tổ chức, quản lý, nhân sự**

Công tác tổ chức, quản lý, nhân sự của Khoa thực hiện trên cơ sở quy định của Học Viện nhưng ở Khoa lấy phương châm quản lý theo chất lượng công việc, giải quyết công việc đơn giản, gọn nhẹ để các giảng viên còn có thời gian chủ động tham gia nghiên cứu, sản xuất, đặc biệt khuyến khích hợp tác các doanh nghiệp trong việc đào tạo, nghiên cứu, sản xuất.

- Tăng số lượng cán bộ cơ hữu có học hàm, học vị cao hơn, nhất là học hàm PGS, nâng cao chất lượng cán bộ thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn, phấn đấu hàng năm có 1- 2 người đạt học vị hoặc được phong học hàm cao hơn hoặc được đi đào tạo các khóa ngắn hạn. Phấn đấu trong giai đoạn 2021-2026 Khoa Thủy sản sẽ có thêm 1 Giáo sư, 3-5 Phó giáo sư; 4-6 Tiến sỹ; 3-5 giảng viên đạt tiêu chuẩn giảng viên cao cấp, có thêm 6-8 giảng viên chính và 3-5 chuyên viên chính và tương đương.

* 1. **Công tác đào tạo**

Trong giai đoạn 2021-2026 Khoa không có chủ trương mở ngành mới mà giữ ổn định các ngành đã mở, hoàn thiện và tổ chức tuyển sinh học viên bậc đào tạo tiến sĩ ngành Nuôi trồng thủy sản, tiếp tục nâng cao trình độ giảng dạy cho cán bộ, tập trung nguồn lực cho tuyển sinh bậc sau đại học trên cơ sở đào tạo người học có nhu cầu thực sự, người học từ các ngành khác chuyển sang, người học có sự đam mê thực sự cho phát triển thủy sản, xây dựng và phát triển các khóa đào tạo ngắn hạn theo chuyên đề đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Kết hoạch công tác đào tạo dự kiến ở bảng 1.

Bảng 1. Kế hoạch tuyển sinh đại học và sau đại học Khoa Thủy sản trong các năm từ 2021-2026

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Sau đại học (NCS và cao học NTTS)**  (đv tính:người) | | **Đại học** Ngành NTTS và Bệnh học Thủy sản  (đv tính: người) | | **Ghi chú** |
| **Chỉ tiêu TS** | **Số nhập học** | **Chỉ tiêu TS** | **Số nhập học** |
| 1 | 2021-2022 | 0  15-20 HV | 1-2 NCS  10-15 HV | 80 | 60 | 2 ngành |
| 2 | 2022-2023 | 2  15-20 HV | 1-2 NCS  10-15 HV | 80 | 60 |  |
| 3 | 2023-2024 | 2  15-20 HV | 1-2 NCS  10-15 HV | 80 | 60 |  |
| 4 | 2024-2025 | 2  15-20 HV | 1-2 NCS  10-15 HV | 80 | 60 |  |
| 5 | 2025-2026 | 2  15-20 HV | 1-2 NCS  10-15 HV | 80 | 60 |  |
|  | **Tổng số** | 8  75-100 HV | 6-8 NCS  50-75 HV | 350 | 300 |  |

* 1. **Công tác NCKH**

- Phấn đấu trong giai đoạn 2021-2026 Khoa Thủy sản sẽ làm chủ trì 1-2 đề tài cấp nhà nước; 3-5 đề tài cấp bộ và cấp tỉnh; 2-3 đề tài hợp tác Quốc tế; 3-5 đề tài trọng điểm cấp Học viện và 10-12 đề tài khác. Hàng năm có từ 2-3 hợp đồng chuyển giao cho các địa phương và doanh nghiệp.

- Công tác xuất bản: Khoa Thủy sản còn nhiều học phần trống về giáo trình và bài giảng nhất trong Học viện nên công tác xuất bản giáo trình được Khoa quan tâm phấn đấu trong toàn giai đoạn 2021-2026 xuất bản 5-10 giáo trình; 3-5 bài bái Quốc tế/năm; 6-8 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước;

* 1. **Công tác HTQT**

- Khoa tổ chức 2-3 hội thảo trong nước và quốc tế hàng năm, tham gia một số hội thảo chuyên môn trong nước và quốc tế; Tiếp đón, triển khai 2-3 đoàn ra, đoàn vào (tùy thuộc diễn biến dịch bệnh COVID).

* 1. **Công tác phát triển CSVC và tài chính**

- Phân công và phối hợp công việc tốt giữa các giảng viên trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu đảm bảo thu nhập ngày càng tăng, giúp mọi thành viên trong khoa yên tâm công tác và cống hiến dựa trên thế mạnh của từng thành viên;

- Khai thác các nguồn và sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí kinh phí để đảm bảo các hoạt động của Khoa ổn định và phát triển;

* 1. **Các công tác đoàn thể, quản lý sinh viên**

- Đoàn kết, dân chủ và minh bạch trong mọi hoạt động công tác của Khoa;

- Phấn đấu 100% cán bộ, giảng viên và người lao động hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, chấp hành tốt các nội qui, qui định, văn hóa công sở; thực sự là tấm gương cho học viên và sinh viên.

- Quản lý sinh viên trên cơ sở quản lý chung của sinh viên trong Học viện, đề cao tinh thần tự giác, chủ động, sáng tạo. Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động chung của khoa và nhà trường, tạo điều kiện và động viên sinh viên, học viên tham gia NCKH.

**6.7 Các công tác khác**

Khoa sẵn sàng tham gia tích cực vào công tác quảng bá tuyển sinh, hỗ trợ các địa phương về chuyên môn, chuyển giao khoa học công nghệ, công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống lục bão theo sự phân công của Học viện và nhu cầu từ các địa phương.

**PHẦN 3**

**GIẢI PHÁP, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Công tác tổ chức, quản lý, nhân sự**

Nguồn nhân sự ổn định có chất lượng cao là yếu tố then chốt trong sự phát triển của Khoa nói riêng và của Học viện nói chung, do vậy Học viện và khoa cần phối hợp và tạo điều kiện tốt nhất có thể cho các cán bộ được làm việc, cống hiến, phát huy hết khả năng cá thể đã được đào tạo.

Phương châm quản lý nhân sự ở Khoa theo chất lượng công việc và tiến độ thực hiện để cán bộ có sự chủ động trong tự đào tạo, nghiên cứu khoa học và xuất bản phẩm.

Nghiêm túc chấp hành, tiếp thu có chọn lọc, tổ chức thực hiện tốt, đúng tiến độ các chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình hành động của Đảng ủy, Ban Giám Đốc, Chi bộ về tất cả các lĩnh vực công tác.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý cấp Khoa, cấp bộ môn trên tinh thần tập trung, dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát huy tính mới.

- Rà soát kỹ đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng; Đối với giảng viên cơ hữu thì động viên, khuyến khích, và tạo điều kiện đào tạo nâng cao năng lực theo đúng chuyên ngành. Đối với tuyển dụng mới phải đảm bảo theo tiêu chuẩn qui định, tìm cách thu hút những người có bằng cấp cao phù hợp với nhu cầu của từng bộ môn chuyên môn.

- Thường xuyên tổ chức hoặc tham gia các hoạt động nhằm giúp cán bộ trong Khoa nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận nhiều hơn với thực tế sản xuất, nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghiên cứu, trình độ quản lý các cấp...

- Từng bộ môn phải có kế hoạch đào tạo đối với đội ngũ kỹ thuật viên, Khoa coi trọng năng lực phòng thí nghiệm của đội ngũ kỹ thuật viên. Đây là một trong những mấu chốt quan trọng để phát triển công tác nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng phát triển, cũng như khả năng xuất bản của Khoa trên các tạp chí quốc tế.

- Kế hoạch nhiệm kỳ 2021-2026:

Nâng số lượng PGS.TS. GVCC từ 2 lên 5

Nâng số lượng tiến sỹ từ 50 lên 75% tổng số giảng viên trong khoa.

100% cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong khoa có trình độ thạc sỹ trở lên

Tuyển thêm một số giảng viên và kỹ thuật viên trên cơ sở nhu cầu nhân lực của các đề tài nghiên cứu thực hiện có yêu cầu.

Về công tác phát triển Đảng: Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ Đảng viên trong Khoa, chú trọng phát triển công tác Đảng cả trong đội ngũ cán bộ và trong đội ngũ sinh viên.

**2. Công tác đào tạo**

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo đại học và sau đại học hiện có theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực đặc biệt là việc đẩy nhanh tiến trình đào tạo tiến sỹ ngành Nuôi trồng thủy sản sớm đi vào thực hiện. Đổi mới các chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội và nâng cao năng lực quản lý theo chuẩn quốc tế. Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các chương trình đào tạo hiện có. Đổi mới, cập nhật giáo trình, nguồn học liệu, sử dụng CNTT trong giảng dạy. Thay đổi về phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, cung cấp nguồn học liệu cho người học.

**3. Công tác NCKH**

- Thúc đẩy, khuyến khích, thưởng phạt đối với từng cá nhân, bộ môn; tìm kiếm, khai thác, phối hợp, đấu thầu đề tài khoa học ở trong và ngoài nước. Lấy mục tiêu nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp cho đào tạo mà cụ thể là người học và nâng cao năng lực của cán bộ giảng dạy; phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu với giảng dạy, tiếp đến là cung cấp dịch vụ nghiên cứu đáp ứng với nhu cầu thực tế. Đảm bảo mỗi đề tài NCKH phải có kết quả là một bài báo đăng trong các tạp chí chuyên ngành cấp quốc gia trở lên hay báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế.

- Hiện tại trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ Khoa Thủy sản mới chỉ tập trung vào các đối tượng nước ngọt, trong thời gian tới sẽ mở rộng thêm đối tượng nghiên cứu nước lợ và nước mặn.

**4. Công tác HTQT**

Đổi mới công tác quản lý theo hướng có sản phẩm đầu ra cụ thể. Thiết lập các mối quan hệ đào tạo và NCKH liên kết với các đối tác trong và nước ngoài. Tăng cường cung cấp các dịch vụ tư vấn, các giải pháp về nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt quan tâm đến hợp tác Quốc tế trong xuất bản.

**5 Các giải pháp khác**

Từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ thông qua việc tạo các công việc có thêm thu nhập, cải thiện môi trường làm việc thân thiện, áp dụng các chính sách mang lại cơ hội phát triển và cống hiến cho đội ngũ.

Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng hệ thống học liệu mở phục vụ công tác đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cho xã hội. Đẩy mạnh việc đưa lên mạng của Nhà trường toàn bộ các thông tin về hoạt động của Khoa, nhất là các thông tin về đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Triển khai cơ chế tự chủ và xây dựng văn hóa công sở ở trong Khoa. Tuyên truyền, giải thích tới từng thành viên trong Khoa và tổ chức thực hiện có kết quả hai nội dung này.

**6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Chiến lược phát triển Khoa Thủy sản được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển chung của Học viện, của ngành thủy sản Việt Nam và của các bộ môn và được các thành viên chủ chốt đại diện cho các tổ chức trong Khoa xây dựng.

Chiến lược phát triển Khoa Thủy sản giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 được thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm theo nhiệm kỳ Giám đốc Học viện và được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Khoa, được phổ biến rộng rãi đến tất cả các cán bộ trong khoa. Các đơn vị trong Khoa xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Khoa và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển của Khoa.

Hàng năm, Khoa sẽ tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược (vào dịp tổ chức hội nghị CBVC và tổng kết năm học), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Khoa trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

Đến năm 2026 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện Chiến lược của Khoa, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

**TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN**

**PGS. TS. Kim Văn Vạn**